

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự
toán ngân sách huyện Tân Yên 6 tháng đầu năm 2017

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai NSNN đối với các cấp ngân sách;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện 6 tháng đầu năm 2017, cụ thể:

1. Về số liệu thực hiện dự toán ngân sách huyện 6 tháng đầu năm 2017: Theo mẫu biểu số 93/CK-NSNN, 94/CK-NSNN, 95/CK-NSNN đính kèm.

2. Về thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện 6 tháng đầu năm 2017:

2.1. Về thu NSNN: Thực hiện thu NSNN 6 tháng đầu năm trên địa bàn: 150.350 tỷ đồng (trong đó: thu tiền sử dụng đất: 116.100 tỷ đồng) đạt 137,1% so với dự toán huyện giao đầu năm và 118% so cùng kỳ năm trước. Một số khoản thu đạt khá như: Thuế thu nhập cá nhân đạt 202,2%, phí-lệ phí đạt 87,8%, thu tiền sử dụng đất đạt 193,5%, thu tiền thuê đất đạt 96,8%...

2.2. Về chi NSNN: Thực hiện 6 tháng đầu năm 295,4 tỷ đồng, đạt 51,5% so với dự toán huyện giao đầu năm, 146,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển 73,6 tỷ đồng đạt 136,4% so với dự toán huyện giao đầu năm và đạt 205,7% so với cùng kỳ năm trước. Chi đầu tư phát triển đạt cao so với dự toán giao đầu năm chủ yếu là do thu tiền sử dụng đất 6 tháng đầu năm cao, thu từ chuyển nguồn năm 2016 sang năm 2017 tiếp tục thực hiện cho đầu tư phát triển.

- Chi thường xuyên 221,79 tỷ đồng đạt 44,1% so với dự toán huyện giao đầu năm và 133,6% so cùng kỳ năm trước

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Thủ trưởng các đơn vị hành chính sự nghiệp thuộc UBND huyện; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính (b/c);
- TT Huyện Ủy, TT HĐND huyện (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban, cơ quan đoàn thể thuộc huyện;
- Viện Kiểm Sát, Tòa án Nhân dân huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CV;
- Lưu: VT, TCKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lauch

Đương Ngô Mạnh

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ QUÝ II NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 524/QĐ-UBND ngày 04/5/2017 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện quý II năm 2016	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	573.905	409.260,4	71,3	137,0
I	Thu cân đối NSNN	115.917	150.350,3	129,7	177,2
1	Thu nội địa	115.917	150.350,3	129,7	177,2
2	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		26.139,8		131,9
III	Thu kết dư				
IV	Thu trợ cấp từ NS cấp trên	451.916	232.770,4	51,5	120,0
V	Ghi thu khoản thu được để lại	6.072		-	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	573.905	295.451,0	51,5	146,4
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	567.833	295.451,0	52,0	146,4
1	Chi đầu tư phát triển	54.000	73.654,0	136,4	205,7
2	Chi thường xuyên	502.938	221.797,0	44,1	133,6
3	Dự phòng ngân sách	10.895		-	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh				
III	Ghi chi nguồn thu được để lại	6.072		-	

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ II NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 04/1/2017 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện quý II năm 2016	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	127.399	150.350	118	137,1
I	Thu nội địa	127.399	150.350	118	137,1
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước				-
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	20.311	9.031	44,5	107,6
4	Thuế thu nhập cá nhân	4.500	9.100	202,2	463,6
5	Thuế bảo vệ môi trường				-
6	Lệ phí trước bạ	27.455	12.500	45,5	112,4
7	Thu phí, lệ phí	2.600	2.283	87,8	310,6
8	Các khoản thu về nhà, đất	62.433,00	117.650	188,4	191,4
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	883	50	5,7	500,0
-	Thu tiền sử dụng đất	60.000	116.100	193,5	189,3
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	1.550	1.500	96,8	1.145,0
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	7.500	2.400	32,0	138,6
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	2.600	805	31,0	150,4
12	Thu đóng góp nhân dân		2.566		179,3
II	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	573.905	409.395	71,3	137,1
1	Từ các khoản thu phân chia	107.717	119.779	111,2	147,7
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	8.200	7.461	91,0	198,1
3	Thu kết dư ngân sách năm trước				
4	Thu chuyển nguồn năm trước		26.140		131,9
5	Thu bổ sung ngân sách cấp trên	451.916,00	256.015	56,7	132,0
6	Trong đó: - Bổ sung cân đối ngân sách	444.190,00	244.305	55,0	210,8
7	- Bổ sung có mục tiêu	7.726,00	11.710	151,6	15,0
8	Ghi thu khoản thu được để lại	6.072,00			

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ II NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 04/7/2017 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện quý II năm 2016	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	573.905	295.451	51,5	146,4
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	567.833	295.451	52,0	146,4
I	Chi đầu tư phát triển	54.000	73.654	136,4	205,7
1	Chi đầu tư cho các dự án				
2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	502.938	221.797	44,1	133,6
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	281.847	149.821	53,2	160,4
2	Chi khoa học và công nghệ	562	144	25,6	112,5
3	Chi y tế, dân số và gia đình	2.133	1.074	50,4	183,6
4	Chi văn hóa thông tin	4.728	2.356	49,8	210,7
5	Chi phát thanh, truyền hình	2.807	760	27,1	122,0
6	Chi thể dục thể thao	1.299	1.055	81,2	274,7
7	Chi bảo vệ môi trường	2.374	1.200	50,5	204,8
8	Chi hoạt động kinh tế	31.194	16.653	53,4	309,1
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	109.146	19.488	17,9	47,7
10	Chi bảo đảm xã hội	39.784	19.342	48,6	131,2
III	Dự phòng ngân sách	10.895		-	
IV	Ghi chi khoản thu được để lại	6.072		-	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN				